

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12 .
 Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. (B, A.1) Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin trong y tế?

- A. Ti vi
 B. Máy bán hàng tự động
 C. Máy chụp cắt lớp vi tính
 D. Máy giặt.

Câu 2. (B, A.1) Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Những thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin có mặt khắp nơi xung quanh ta
 B. Trong hầu hết những lĩnh vực của khoa học và đời sống, những thiết bị có gắn bộ xử lý thông tin đều đóng vai trò quan trọng
 C. Máy chụp X-quang là một ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong lĩnh vực y học
 D. Hệ thống thu phí tự động trên đường cao tốc là một ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong sản xuất công nghiệp.

Câu 3. (B, A.1) Học qua mạng Internet, học bằng giáo án điện tử là ứng dụng của Tin học trong:

- A. Giải trí. B. Giáo dục. C. Trí tuệ nhân tạo. D. Truyền thông.

Câu 4. (B, A.1) Hành vi có văn hóa, đạo đức trên mạng xã hội:

- A. Cản trở trái pháp luật việc cung cấp, truy cập thông tin trên internet của tổ chức
 B. Sử dụng mật khẩu, thông tin, dữ liệu trên internet của tổ chức, cá nhân khi chưa được phép
 C. Chia sẻ thông tin có nguồn chính thống, tin cậy.
 D. Tạo, cài đặt, phát tán phần mềm độc hại, virus máy tính.

Câu 5. (H, A.1) Phương án nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đến đời sống con người?

- A. Nhờ trí tuệ nhân tạo làm bài tập về nhà.
 B. Truy cập mạng xã hội trong nhiều giờ.
 C. Thường xuyên sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản để làm báo cáo.
 D. Vừa ăn vừa xem video trên trang YouTube.

Câu 6. (H, C.1) Câu nào dưới đây là làm ví dụ về tính mới của thông tin tuyển sinh vào lớp 10?

- A. Thông tin đọc được trên mạng xã hội.
 B. Thông tin vừa được một phụ huynh học sinh thông báo.
 C. Thông tin không trùng lặp với những gì đã biết trước đó.
 D. Thông tin do Sở giáo dục địa phương gửi đến các trường trung học cơ sở vào thời điểm gần đây nhất.

Câu 7. (H, C.1) Câu nào dưới đây kể tên đúng các tính chất quan trọng làm nên chất lượng của thông tin?

- A. Tính có bản quyền, tính phù hợp.
 B. Tính có bản quyền, tính bảo mật, tính chính xác.
 C. Tính mới, tính hình xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được.
 D. Tính chính xác, tính cập nhật, tính bảo mật, tính có bản quyền.

Câu 8. (B, D.1) Hành vi bị cấm trên mạng xã hội:

- A. Sử dụng họ, tên thật.
 B. Cung cấp, chia sẻ, lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm kích động bạo lực.
 C. Tham gia giáo dục, bảo vệ trẻ em, trẻ vị thành niên sử dụng mạng xã hội một cách an toàn lành mạnh.
 D. Không sử dụng ngôn từ phản cảm, vi phạm thuần phong mỹ tục, gây thù hận.

Câu 9. (B, D.1) Hiện tượng "nghiện" mạng xã hội có thể dẫn đến tác động tiêu cực nào?

- A. Tăng khả năng sáng tạo.
 B. Giảm thời gian dành cho các mối quan hệ thực tế.
 C. Cải thiện sức khỏe thể chất.

D. Tăng cường khả năng giao tiếp qua mạng.

Câu 10. (B, D.1) Việc sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe thuộc tác động tiêu cực nào?

A. Lệ thuộc vào công nghệ.

B. Ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý.

C. Gây ra các hành vi phi pháp.

D. Ảnh hưởng đến thể chất.

Câu 11.(B, D.1) Ánh sáng xanh từ màn hình điện thoại có thể gây tác động tiêu cực nào?

A. Giảm trí nhớ.

B. Tăng khả năng ghi nhớ.

C. Gây rối loạn nhịp sinh học.

D. Tăng hiệu suất làm việc.

Câu 12. (H, D.1) Một số trẻ em bị chậm nói do nguyên nhân nào?

A. Sử dụng thiết bị công nghệ quá sớm và quá nhiều.

B. Không được học tập đầy đủ.

C. Do tác động từ môi trường bên ngoài.

D. Không được cung cấp dinh dưỡng đầy đủ.

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1.(C.2;H,H,H,H) Lớp em tổ chức một buổi chúc mừng sinh nhật một bạn trong lớp, tập thể lớp em đã sử dụng một số thông tin liên quan đến sự kiện này. Hãy nói về tính sử dụng được của thông tin.

a) Ngày sinh của bạn đó. (H. Đúng)

b) Những cuộc thi mà bạn đó đã tham gia. (H. Sai)

c) Những quyển sách mà bạn đó đã đọc. (H. Sai)

d) Ba mẹ của bạn tổ chức tiệc chúc mừng sinh nhật. (H. Đúng)

Câu 2:(D.1;B,B,B,B) Khi trao đổi qua mạng, để biểu hiện thái độ không tán thành mà vẫn giữ được sự hòa nhã, lịch sự thì em nghĩ như thế nào ở các đáp án sau:

a) Mình lại nghĩ khác. (B, Đúng)

b) Bạn chỉ nói lung tung. (B, Sai)

c) Mình không nghĩ thế. (B, Đúng)

d) Chúng ta cùng xem lại nhé. (B, Đúng)

Câu 3:(D.1;B,B,B,B) Học sinh A không có thiện cảm với học sinh B. Cửa kính lớp học bị vỡ, dù chưa có chứng cứ nhưng A đăng ý kiến lên mạng xã hội quy cho B là thủ phạm rồi chia sẻ công khai cho tất cả bạn bè của mình. Em bình luận gì về hành vi đó.

a) Hành vi của bạn A gây tổn thương cho bạn B. (B, Đúng)

b) Bạn A nên tiếp cận vấn đề một cách có trách nhiệm hơn. (B, Đúng)

c) Hành vi của bạn A không gây tổn thương cho bạn B. (B, Sai)

d) Theo Khoản 6 Điều 4 Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, bạn A đã vi phạm khoản này vì đã đăng tải nội dung xúc phạm danh dự nhân, nhân phẩm của bạn B. (B, Đúng)

Câu 4: (E.1; V,V,V,V) Phần mềm mô phỏng Geogebra và PhET Interactive Simulations có chức năng gì và được sử dụng như thế nào trong dạy và học Toán, Vật lý?

a) Phần mềm Geogebra được dùng để vẽ hình cho môn Toán hình. (V, Đúng)

b) Phần mềm Geogebra mô phỏng được các trò chơi số học. (V, Sai)

c) Phần mềm PhET Interactive Simulations dùng để mô phỏng con lắc trong Vật Lý. (V, Đúng)

d) Phần mềm PhET Interactive Simulations cung cấp các mô phỏng về Vật lý. (V, Đúng)

PHẦN III: Tự luận.

Câu 1: Trong thí ảo <https://phet.colorado.edu/vi>, trừ mô phỏng: Trái đất và không gian, vậy trong thí nghiệm ảo này còn lại các mô phỏng nào?

Câu 2: Trong mô phỏng môn Vật lý: Cơ học, Âm học và sóng, Công – năng lượng – công suất, Khái niệm toán học, có bao nhiêu kết quả hiển thị cho các mô phỏng trên?

Câu 3: Thị giác màu trong mô phỏng Sinh học của thí nghiệm ảo <https://phet.colorado.edu/vi> có mấy màu, kê tên tiếng anh của các màu đó.

---HẾT---

ĐÁP ÁN

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	B	C	C	D	C	D	B	C	C	A

PHẦN II: Trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi ý đúng được 0.25 điểm

Câu hỏi	Ý a)	Ý b)	Ý c)	Ý d)
Câu 1	Đ	S	S	Đ
Câu 2	Đ	S	Đ	Đ
Câu 3	Đ	S	Đ	Đ
Câu 4	Đ	S	Đ	Đ

PHẦN III:

Câu	Đáp án	Điểm
1	Vật lí	0,25
	Toán và thống kê	0,25
	Hóa học	0,25
	Sinh học	0,25
2	22	0,25
	5	0,25
	9	0,25
	38	0,25
3	Có 3 màu	0,25
	Red	0,25
	Green	0,25
	Blue	0,25

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ

. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề A Máy tính và cộng đồng	1. Bộ xử lý thông tin ở quanh ta	4 (1,2,3,4)	1 (5)								4	1		12.5% 1.25
2	Chủ đề C Tổ chức lưu trữ, tìm kiểm và trao đổi thông tin	1. Thông tin trong giải quyết vấn đề		2 (6,7)									2		5% 0.5
		2. Thực hành Đánh giá chất lượng thông tin					4 (1a,1b, 1c,1d)						4		10% 1
3	Chủ đề D Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường s	1. Một số vấn đề pháp lí về sử dụng dịch vụ Internet	4 (8,9,10, 11)	1 (12)		8 (2a,2b,2c, 2d,3a,3b, 3c,3d)						12	1		32.5% 3.25
4	Chủ đề E Ứng dụng tin học	1. Tìm hiểu phần mềm mô phỏng						4 (4a,4b, 4c,4d)						4	10% 1
		2. Thực hành Khai								4	8		4	8	30%

	thác phần mềm mô phỏng								(1)	(2,3)				3
Tổng số câu, ý		8 câu	4 câu		8 ý	4 ý	4 ý		4 ý	8 ý	16	12	12	
Tổng số điểm		2	1		2	1	1		1	2	4.0	3.0	3.0	
Tỉ lệ %		30			40			30			40	30	30	

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

TT	Chủ đề / Chương	Nội dung/đơn vịkiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng / Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề A	1. Bộ xử lý thông tin ở quanh ta	Biết: - Nhận biết được sự có mặt của các thiết bị có gắn bộ xử lí thông tin ở khắp nơi (trong gia đình, ở trường học, cửa hàng, bệnh viện, công sở, nhà máy,...), trong mọi lĩnh vực (y tế, ngân hàng, hàng không, toánhọc,sinh học,...), nêu được ví dụ minh hoạ Hiểu: - Nêu được khả năng của máy tính và chỉ ra được một số ứng dụng thực tế của nó trong khoa học kĩ thuật và đời sống. - Giải thích được tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội thông qua các ví dụ cụ thể	4 (N1a,b)	1 (NLa)							
2	Chủ đề C	1. Thông tin trong giải quyết vấn đề	Hiểu: – Giải thích được tính mới, tính chính xác, tính đầy đủ, tính sử dụng được của thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ		2 (NLb)							
		2. Thực hành	Hiểu:				4					

		Đánh giá chất lượng thông tin	- Giải thích được sự cần thiết phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận và trao đổi thông tin. Nêu được ví dụ minh họa.				(NL _a)					
3	Chủ đề D	1. Một số vấn đề pháp lý về sử dụng dịch vụ Internet	Biết: Trình bày được một số tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số đối với đời sống con người và xã hội, nêu được ví dụ minh họa. Biết: - Nêu được một số nội dung liên quan đến luật Công nghệ thông tin, nghị định về sử dụng dịch vụ Internet, các khía cạnh pháp lý của việc sở hữu, sử dụng và trao đổi thông tin. Hiểu: - Nêu được một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số thông qua một vài ví dụ	4 (NL _a)	1 (NL _a)		8 (NL _{b,c})					
4	Chủ đề E	1. Tìm hiểu phần mềm mô phỏng	Biết: Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng. - Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng. Vận dụng: Vận dụng được phần mềm mô phỏng trong các môn học.					4 (NL _c)				
		2. Thực hành Khai thác phần mềm mô phỏng	Hiểu: Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề. Vận dụng: Sử dụng được phần mềm mô phỏng trong học tập.							4 (NL _b)	8 (NL _{d,e})	

Tổng số câu		8	4	0	8	4	4	0	4	8
Tổng số điểm		3.0			4.0			3.0		
Tỉ lệ		30			40			30		